TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 7

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số thập phân 374,056, chữ số 5 thuộc hàng nào?

A. hàng phần mười **B.** hàng phần nghìn

C. hàng chục **D.** hàng phần trăm

Câu 2. Làm tròn số 204,165 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 204,2 **B.** 206 **C.** 205 **D.** 204

Câu 3. 93,8 × 100 = ……

A. 9380 **B.** 0,938 **C.** 9,38 **D.** 938

Câu 4. Một sợi dây dài 46,02 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 14,9 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 106,94 m **B.** 77,14 m **C.** 106,84 m **D.** 60,92 m

Câu 5. 28 000 m² = …… ha

A. 0,28 **B.** 280 **C.** 2,8 **D.** 28

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 26 cm, chiều cao 9 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 234 cm² **B.** 117 cm² **C.** 35 cm² **D.** 70 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 25 đơn vị, 8 phần mười, 9 phần trăm, 8 phần nghìn viết là: ……

b) Phân số 1/4 viết dưới dạng số thập phân: ……

c) Hỗn số 8 75/100 viết dưới dạng số thập phân: ……

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 25,63 …… 25,62

b) 4,8 …… 4,80

c) 3 tấn 50 kg …… 3,05 tấn

d) 3 ha …… 3000 m²

Bài 3. Tìm x:

a) x + 25,93 = 54,33; x = ……

b) x × 1,5 = 29,85; x = ……

c) 52,3 − x = 38,97; x = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

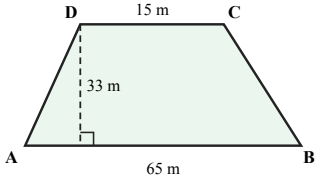
a) 6 m 5 cm = …… m

b) 1 kg 14 g = …… kg

c) 4 km² = …… ha

d) 6100 m² = …… ha

Bài 5. Một thửa ruộng hình thang ABCD có đáy lớn AB = 65 m, đáy bé DC = 15 m, chiều cao 33 m (như hình). Trung bình cứ 1 m² thu hoạch được 0,6 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?



a) Diện tích thửa ruộng: …… m²

b) Số thóc thu hoạch được: …… kg

Bài 6. Một tổ may cắt 8 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,6 m vải. Giá mỗi mét vải là 95 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 7

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	D	A	A	C	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 25,898

b) 1/4 = 25/100 = 0,25

c) 8,75

Bài 2.

a) 25,63 > 25,62

b) 4,8 = 4,80

c) 3 tấn 50 kg = 3,05 tấn

d) 3 ha > 3000 m²

Bài 3.

a) x = 54,33 − 25,93 = 28,4

b) x = 29,85 : 1,5 = 19,9

c) x = 52,3 − 38,97 = 13,33

Bài 4.

a) 6,05

b) 1,014

c) 400

d) 0,61

Bài 5.

Diện tích: (65 + 15) × 33 : 2 = 1320 (m²)

Số thóc: 1320 × 0,6 = 792 (kg)

Bài 6.

Số vải: 3,6 × 8 = 28,8 (m)

Số tiền: 95 000 × 28,8 = 2 736 000 (đồng)